

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 767/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/12/2020
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yên;

Ông Nguyễn Hữu Độ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 563/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020.

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1962.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 15 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1960.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 15 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà M.

Vắng mặt: Ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng M trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Hồng M và ông Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 02/02/1985. Sau khi kết hôn, bà M, ông T cùng chung sống tại Tổ 15 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hòa thuận. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T chơi cờ bạc, nhiều lần đánh đập bà và có quan hệ ngoại tình với người khác. Bản thân bà M vì các con và gia đình nên nhiều lần chịu đựng và mong muốn ông T sửa chữa nhưng ông T không vẫn không thay đổi. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ tháng năm 2017 đến nay, kể từ thời điểm đó vợ chồng không còn trách nhiệm gì với nhau. Nay xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng bà M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông T để cả hai được cùng tự do.

- **Về con chung:** Bà M, ông T có 02 con chung là anh Đỗ Hải A, sinh ngày 30/10/1986 và anh Đỗ Lê Việt D, sinh ngày 27/8/1994.

Do các con chung của bà M với ông T đều đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung:** Bà xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà M, ông T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu; có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 02/02/1985. Sau khi kết hôn, bà M, ông T cùng chung sống tại thôn Tổ 15 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng xảy ra cãi vã. Bà M trình bày ông có quan hệ ngoài luồng và cờ bạc, nhưng không đưa ra bằng chứng chứng minh. Ông T khẳng định ông không có nghĩa vụ phải trả lời hay chứng minh gì. Ông và bà M đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, khi ly hôn vợ chồng sống riêng mỗi người một nhà và vợ chồng có lập văn bản thỏa thuận về việc mỗi người sống một nơi vào mỗi người quản lý một phần tài sản. Ông T không đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng đều đã có tuổi, bản thân ông muốn giữ nguyên tình trạng vợ chồng như hiện tại. Ông T khẳng định sẽ không đến Tòa án làm việc.

- **Về con chung:** Ông T, bà M có 02 con chung là anh Đỗ Hải A, sinh ngày 30/10/1986 và anh Đỗ Lê Việt D, sinh ngày 27/8/1994. Do cả hai con chung của ông T, bà M hiện đều đã trưởng thành nên không đặt ra việc xem xét về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung:** Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà M giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Về con chung: Do cả hai con chung của ông T, bà M đều đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.
- + Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các con ông bà đã trưởng thành nên không giải quyết.
- + Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.
- + Về án phí: Áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật dân sự. Ông T có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Ông Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông T vắng mặt. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2]**Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà M, ông T kết hôn ngày 02/02/1985 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cả bà M, ông T đều khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Tuy nhiên, bà M yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý mặc dù bản thân ông T cũng khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, vợ chồng mỗi người một nhà không ai còn quan tâm đến ai nữa. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại UBND thị trấn Đ ngày 19/11/2020 đều cho thấy vợ chồng ông T, bà M có mâu thuẫn, từ năm 2010 ông T bà M không cùng chung sống với nhau mà mỗi người ở một nhà, không liên quan gì về tình cảm và kinh tế.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, xác định: Giữa bà M với ông T có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên không tìm được tiếng nói chung, ly thân trong thời gian quá lâu, khó có thể hàn gắn tình cảm. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T để giải phóng cho cả đôi bên là có căn cứ được chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T, bà M có 02 con chung là anh Đỗ Hải A, sinh ngày 30/10/1986 và anh Đỗ Lê Việt D, sinh ngày 27/8/1994. Hiện nay, các con chung của bà M, ông T đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà M, ông T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà M do bà M có đơn tự nguyện rút yêu cầu.

[3]**Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả bà M số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chi tài sản chung vợ chồng do bà M tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

[4]**Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 244, Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng M với ông Đỗ Văn T, cho bà M được ly hôn với ông T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M, ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà M do bà M có đơn tự nguyện rút yêu cầu.

Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 20.175.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0017716 ngày 06/10/2020. Hoàn trả bà M số tiền 19.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Bà M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND quận huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ;

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Triệu Thúy Hà